

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 26/2021/DS-ST

Ngày 29 tháng 7 năm 2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đoàn Xuân Hòa.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Do

2. Ông Lưu Thông

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Lê Hiền Băng - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Bưởi - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thẩm thụ lý số: 244/TLST-DS ngày 21/12/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXXST- DS ngày 18 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2021/QĐST-DS ngày 07 tháng 7 năm 20201 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A. Trụ sở: đường K, phường A, quận B, Tp. H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Chánh T. Địa chỉ: Đường T, phường S, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Theo Giấy ủy quyền số: 609/GUQ-QLN.21 ngày 27/4/2021). Có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1986 và ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1977. Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 22/07/2008; cháu Nguyễn Thị Thảo Q, sinh ngày 28/10/2011; cháu Nguyễn Thị Thảo L, sinh ngày 25/6/2015. Cùng địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 22/07/2008; cháu Nguyễn Thị Thảo Q, sinh ngày 28/10/2011; cháu Nguyễn Thị Thảo L, sinh ngày 25/6/2015 - Là: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1977 (cha đẻ) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1986 (mẹ đẻ). Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, trình bày tại các bản khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày như sau:*

Theo thỏa thuận, Ngân hàng TMCP A (nguyên đơn) – thông qua Chi nhánh Gia Lai đã cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H (bị đơn) vay tại Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số GIL.CN.376.090517 ngày 09/5/2017; Hợp đồng cấp tín dụng số GIL.CN.675.030518 ngày 03/5/2018; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số GIL.CN. 675.030518/SĐBS-01 ngày 19/6/2019. Theo thỏa thuận, bị đơn vay số tiền là 180.000.000 đồng, thời hạn vay 11 tháng (từ ngày 19/03/2019 đến ngày 18/02/2020), thời hạn trả gốc cuối kỳ, thời hạn trả lãi hàng tháng, lãi suất cho vay 10,5 %/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất phạt chậm trả lãi là 10%/năm, mục đích cho vay bổ sung vốn lưu động kinh doanh nông sản (nhưng bị đơn không có giấy phép kinh doanh).

Để đảm bảo nợ vay tại Hợp đồng cho vay nêu trên bị đơn đã thế chấp cho nguyên đơn tài sản tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số GIL.BĐCN.481.230616 ngày 24/6/2016 gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 349222 do UBND huyện Đak Đoa cấp ngày 31/12/2008 cho hộ ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H; Thửa đất số 89, tờ bản đồ số 39, có diện tích 776 m<sup>2</sup> và toàn bộ tài sản trên đất. Đất và tài sản trên đất tại Thôn N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Các tài sản thế chấp đến nay không có tranh chấp gì.

Tính đến ngày 03/8/2019 bị đơn mới trả nợ cho nguyên đơn tổng số tiền lãi là 4.309.315 đồng, ngoài ra bị đơn không trả khoản nợ gốc và nợ lãi nào khác. Do bị đơn vi phạm thời hạn trả nợ gốc và lãi cho nguyên đơn như đã cam kết nên nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn trả nợ cho nguyên đơn toàn bộ nợ gốc và lãi chưa thanh toán như đã vay nêu trên, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/7/2021) với tổng số tiền là 236.287.019 đồng, gồm: Nợ gốc là 180.000.000 đồng, nợ lãi là 56.287.019 đồng (trong đó: Nợ lãi trong hạn là 9.504.494 đồng, lãi quá hạn là 43.137.123 đồng, lãi phạt chậm trả là 3.645.402 đồng).

Nếu bị đơn không trả hết nợ gốc và nợ lãi nêu trên thì đề nghị xử lý tài sản do bị đơn đã thế chấp để thu hồi nợ.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt và không có cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để xem xét.

*\* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến khi xét xử, nghị án đều đúng theo quy định của pháp luật. Đối với nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án; riêng bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình, vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án:

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Buộc bị đơn chịu án phí tranh chấp dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định pháp luật.

+ Buộc nguyên đơn chịu chi phí tố tụng về việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

Xét thấy tại Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số GIL.CN.376.090517 ngày 09/5/2017; Hợp đồng cấp tín dụng số GIL.CN.675.030518 ngày 03/5/2018; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số GIL.CN.675.030518/SĐBS-01 ngày 19/6/2019 thể hiện là bên vay (bị đơn) không có đăng ký kinh doanh và bị đơn có địa chỉ tại Thôn N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai nên tranh chấp trên được Tòa án nhân dân huyện Đak Đoa thụ lý, giải quyết vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

\* Về nội dung:

[2] Quá trình giải quyết vụ án bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt và không cung cấp chứng cứ, tài liệu gì để Hội đồng xét xử xem xét.

Căn cứ tại Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số GIL.CN.376.090517 ngày 09/5/2017; Hợp đồng cấp tín dụng số GIL.CN.675.030518 ngày 03/5/2018; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số GIL.CN.675.030518/SĐBS-01 ngày 19/6/2019. Theo thỏa thuận, bị đơn vay số tiền là 180.000.000 đồng, thời hạn vay 11 tháng (từ ngày 19/03/2019 đến ngày 18/02/2020), thời hạn trả gốc cuối kỳ, thời hạn trả lãi hàng tháng, lãi suất cho vay 10,5 %/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất phạt chậm trả lãi là 10%/năm, mục đích cho vay bổ sung vốn lưu động kinh doanh nông sản (nhưng bị đơn không có giấy phép kinh doanh).

Tính đến ngày 03/8/2019 bị đơn mới trả nợ cho nguyên đơn tổng số tiền lãi là 4.309.315 đồng, ngoài ra không trả được khoản nợ gốc và nợ nợ lãi nào khác. Do bị đơn vi phạm thời hạn trả nợ gốc và lãi cho nguyên đơn như đã cam kết nên gây thiệt hại cho nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn trả nợ cho nguyên đơn toàn bộ nợ gốc và lãi chưa thanh toán như đã vay nêu trên, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/7/2021) với tổng số tiền là 236.287.019 đồng, gồm: Nợ gốc là 180.000.000 đồng, nợ lãi là 56.287.019 đồng (trong đó: Nợ lãi trong hạn là 9.504.494 đồng, lãi quá hạn là 43.137.123 đồng, lãi phạt chậm trả là 3.645.402 đồng) là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Để đảm bảo nợ vay tại Hợp đồng tín dụng nêu trên thì bị đơn đã thế chấp cho nguyên đơn tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số GIL.BĐCN.481.230616 ngày 24/6/2016 gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 349222 do UBND huyện Đ cấp ngày 31/12/2008 cho hộ ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H; Thửa đất số 89, tờ bản đồ số 39, có diện tích 776 m<sup>2</sup> và toàn bộ tài sản trên đất. Đất và tài sản trên đất tại Thôn N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Qua xem xét, thẩm định tài sản thì tài sản bị đơn thế chấp nêu trên không có tranh chấp gì.

Nguyên đơn yêu cầu trường hợp bị đơn không hết nợ gốc và nợ lãi như đã nêu trên thì yêu cầu xử lý tài sản bị đơn thế chấp ở trên để thu hồi nợ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí:

- Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí tranh chấp dân sự của vụ án theo quy định của pháp luật.

[6] Về chi phí tố tụng:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Nguyên đơn yêu cầu thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nên phải chịu chi phí tố tụng này, với số tiền là 3.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp đủ.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp với số tiền là 4.000.000 đồng. Do nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền 4.000.000 đồng để xem xét, thẩm định tại chỗ nên bị đơn có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn số tiền này.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Về điều luật áp dụng:

*Căn cứ Khoản 3 Điều 26, 35, 39, 91, 92, 93, khoản 1 Điều 157, khoản 2 Điều 180, 227, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;*

*Căn cứ Điều 280, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323 của Bộ luật dân sự năm 2015;*

*Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng năm 2017;*

*Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A (nguyên đơn). Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H (bị đơn) thanh toán cho nguyên đơn khoản nợ gốc và lãi phát sinh tại Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số GIL.CN.376.090517 ngày 09/5/2017; Hợp đồng cấp tín dụng số GIL.CN.675.030518 ngày 03/5/2018; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số GIL.CN.675.030518/SĐBS-01 ngày 19/6/2019 tính đến ngày 29/7/2021 với tổng số tiền là 236.287.019 đồng, gồm: Nợ gốc là 180.000.000 đồng, nợ lãi là 56.287.019 đồng (trong đó: Nợ lãi trong hạn là 9.504.494 đồng, lãi quá hạn là 43.137.123 đồng, lãi phạt chậm trả là 3.645.402 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số GIL.CN.376.090517 ngày 09/5/2017; Hợp đồng cấp tín dụng số GIL.CN.675.030518 ngày 03/5/2018; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số GIL.CN.675.030518/SĐBS-01 ngày 19/6/2019 kể từ ngày 30/7/2021 cho đến khi trả hết nợ.

3. Trường hợp bị đơn không thanh toán hết nợ gốc và lãi như trên cho nguyên đơn, thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai xử lý tài sản do bị đơn thế chấp tại **Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số GIL.BĐCN.481.230616 ngày 24/6/2016** gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 349222 do UBND huyện cấp ngày 31/12/2008 cho hộ ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H; Thửa đất số 89, tờ bản đồ số 39, có diện tích 776 m<sup>2</sup> và toàn bộ tài sản trên đất. Đất và tài sản trên đất tại Thôn N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (Qua xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc thực tế thì thửa đất số 89, tờ bản đồ số 39, có diện tích 776 m<sup>2</sup>, có giới cận như sau: Phía Đông giáp suối có kích thước 17,88m, phía Tây giáp đường hiện trạng có kích thước 14m, phía Nam giáp thửa đất số 94 có kích thước 7,68m + 42,95m, phía Bắc giáp thửa đất số 90 có kích thước 66,94m. Tài sản trên đất gồm có: 01 căn nhà cấp 4, tường tô trát, mái ngói, nền xi măng; 01 sân phơi bằng xi măng; trên đất còn trồng một số cây bời lồi).

#### 4. Về án phí:

- Buộc bị đơn phải chịu án phí tranh chấp dân sự sơ thẩm với số tiền (làm tròn số) là 11.814.351 đồng.

- Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.879.899 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000758 ngày 19 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai.

#### 5. Về chi phí tố tụng:

- Buộc nguyên đơn phải chịu chi phí tố tụng về việc yêu cầu thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng với số tiền là 3.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp đủ.

- Buộc bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền là 4.000.000 đồng. Do nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền 4.000.000 đồng để xem xét, thẩm định tại chỗ nên bị đơn có nghĩa vụ trả thanh toán lại cho nguyên đơn số tiền này.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo

trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, cq.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Đoàn Xuân Hòa**